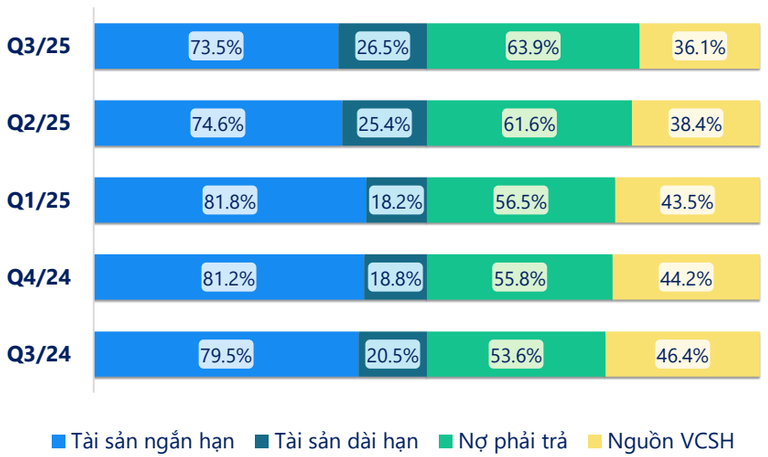
FireAnt

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	25,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,667
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,167
SL cổ phiếu LH	31,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,400
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	784
P/E	21.2
EPS	1,191

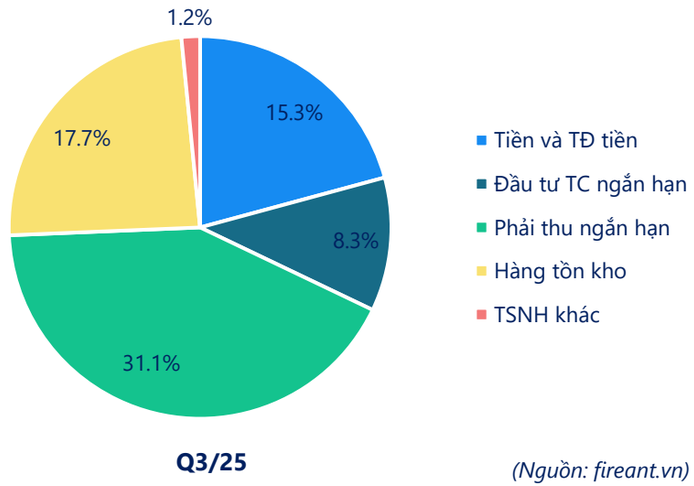
	YTD	1T	3T	6T
CKD	21.6%	11.3%	10.4%	13.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



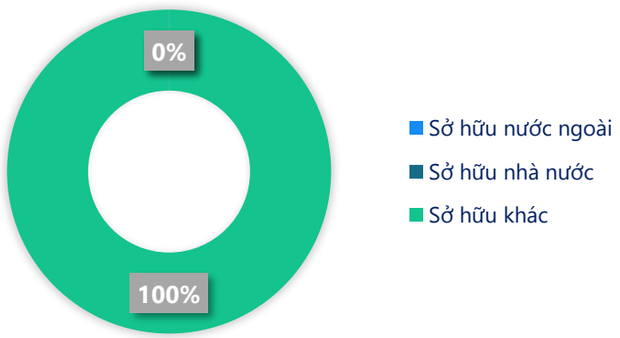
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



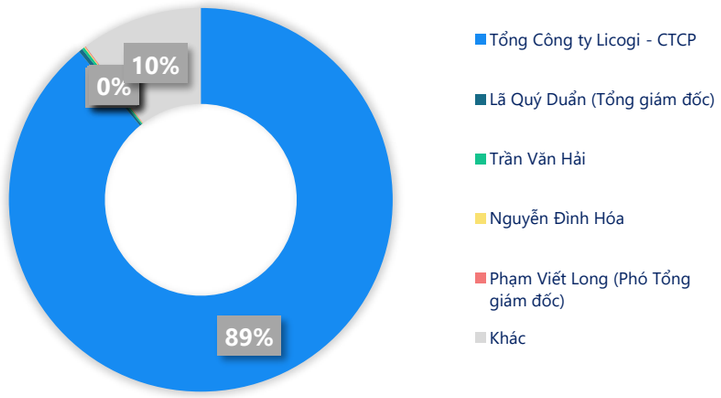
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



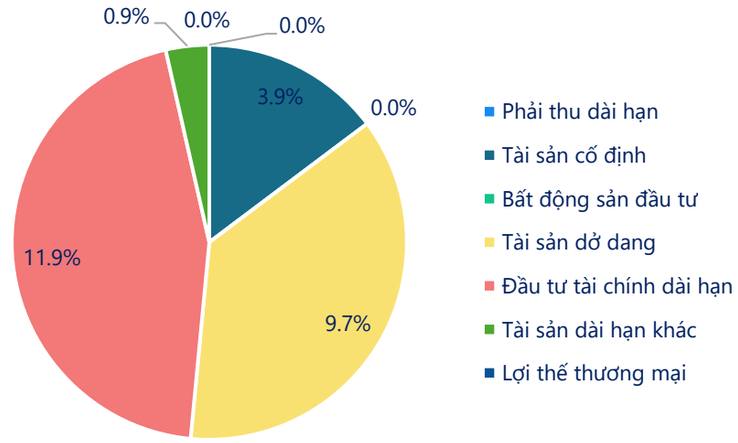
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

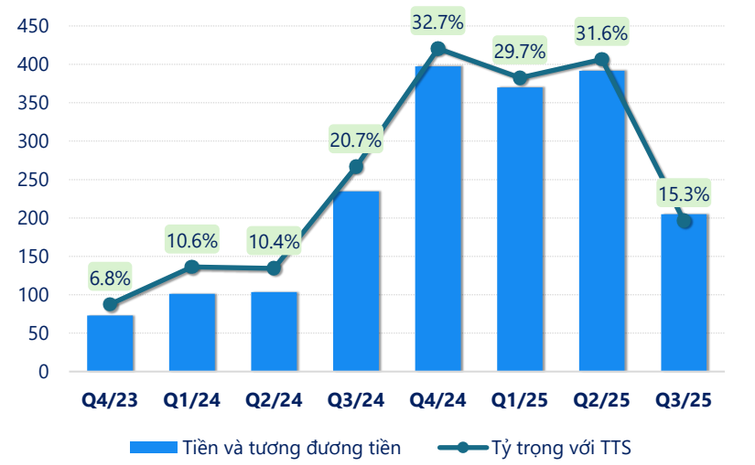


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

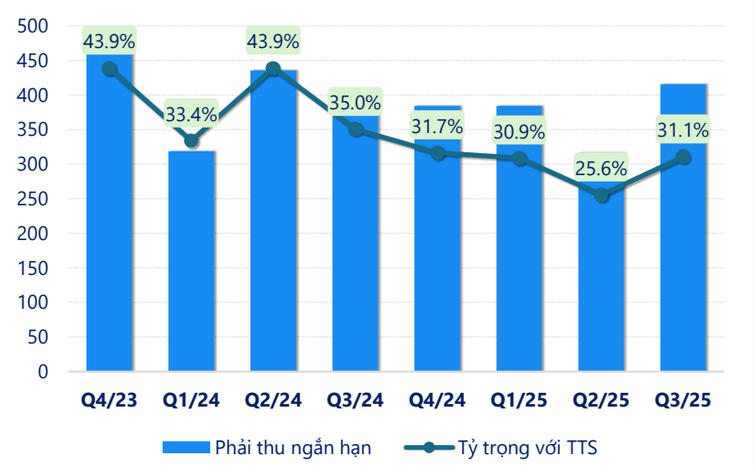
CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Tiền và tương đương tiền



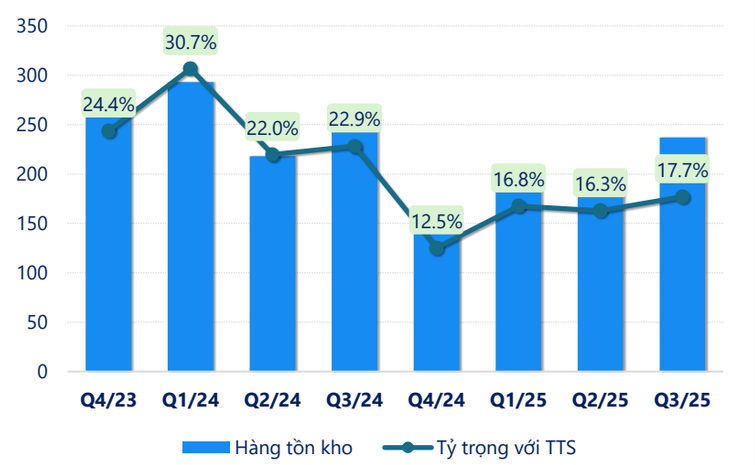
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



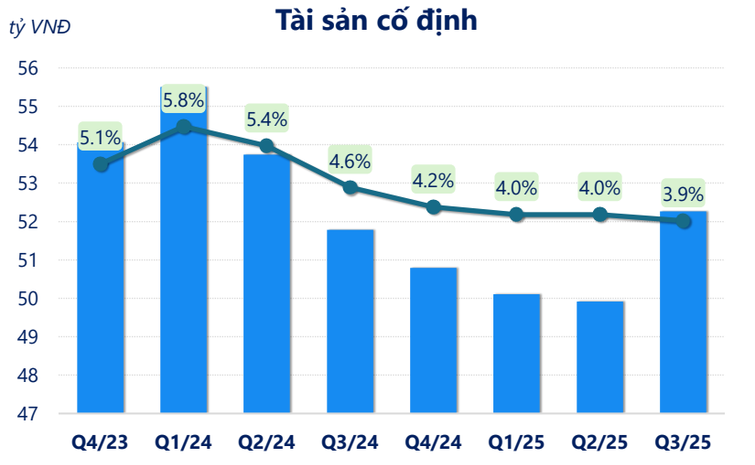
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



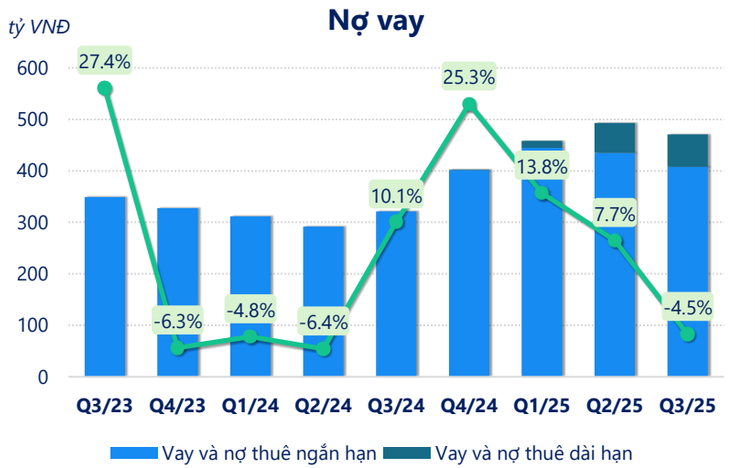
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



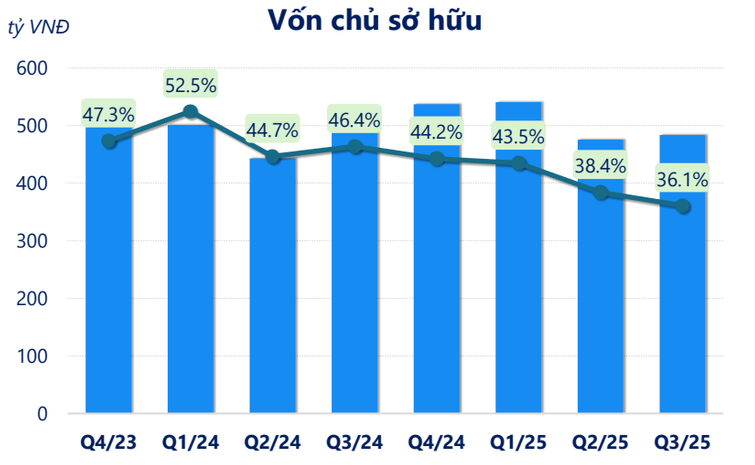
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

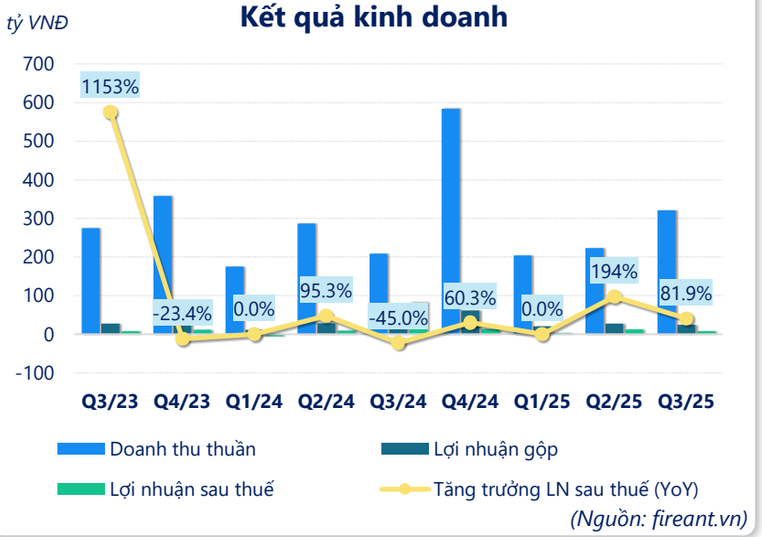


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

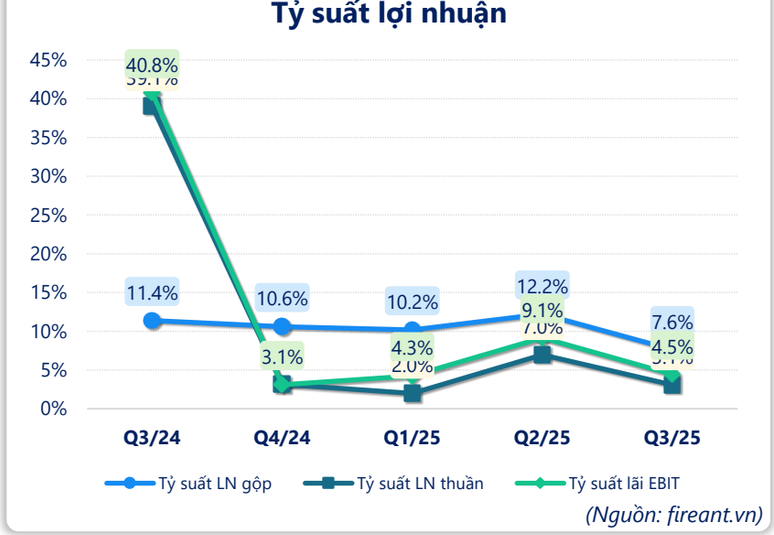
CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Kết quả kinh doanh



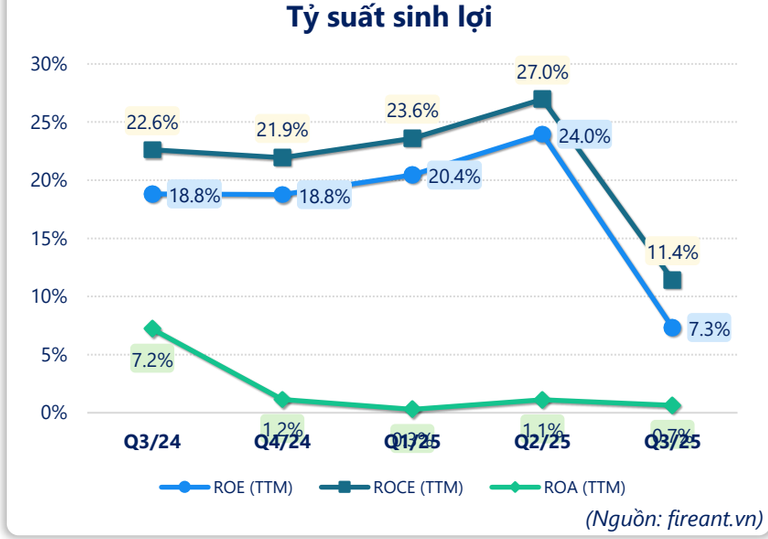
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



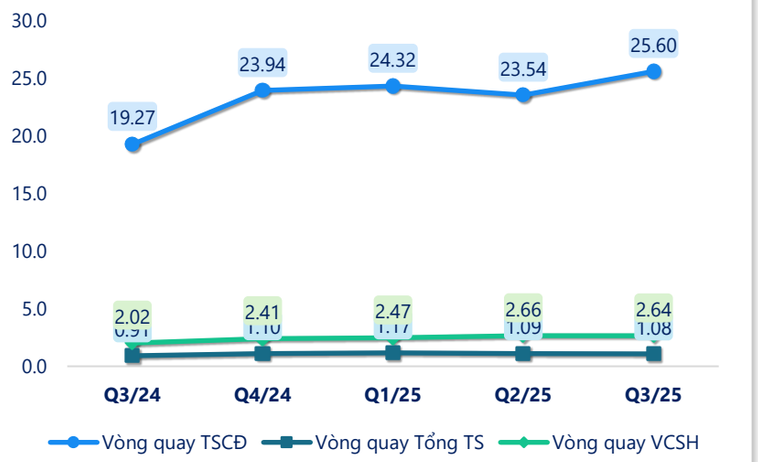
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



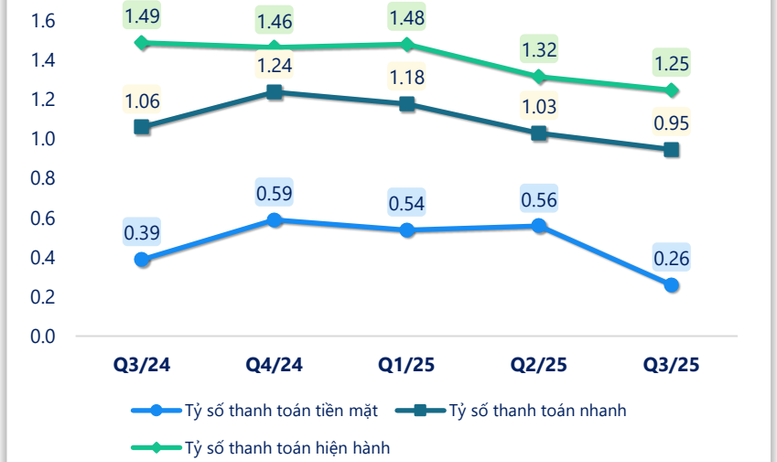
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



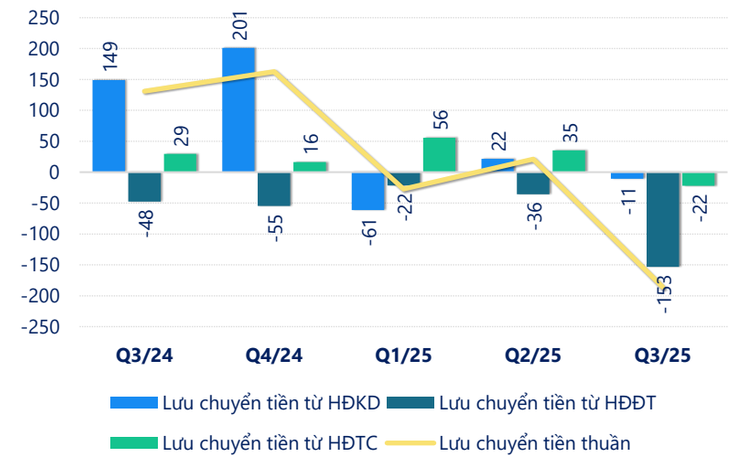
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,339**	**1,214**	**10.2%**
Tài sản ngắn hạn	984	986	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	205	397	-48.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	111	51.3	117%
Phải thu ngắn hạn	416	384	8.2%
Hàng tồn kho	237	152	55.8%
Tài sản ngắn hạn khác	15.4	1.01	1429%
Tài sản dài hạn	**354**	**228**	**55.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	52.3	50.8	2.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	130	4.05	3118%
Đầu tư tài chính dài hạn	159	159	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**12.6**	**14.1**	**-10.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	855	677	26.3%
Nợ ngắn hạn	**789**	**674**	**17.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	408	402	1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	172	165	4.7%
Nợ dài hạn	66.3	3.57	1754%
Vay và nợ thuê dài hạn	63.5	0.88	7091%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**483**	**537**	**-10.0%**
Vốn chủ sở hữu	**483**	**537**	**-10.0%**
Vốn điều lệ	310	310	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	209	584	204	223	321
Giá vốn hàng bán	185	522	183	196	296
Lợi nhuận gộp	23.8	61.9	20.8	27.3	24.4
Doanh thu HĐTC	79.4	3.87	4.53	5.74	3.51
Chi phí TC	3.29	3.70	4.58	4.95	4.17
Chi phí lãi vay	2.98	0.36	4.58	4.95	4.17
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.8	14.7	9.03	4.55	7.13
Chi phí QLDN	7.46	29.0	7.64	7.93	6.78
LN thuần từ HĐKD	81.6	18.3	4.06	15.6	9.89
Lợi nhuận khác	0.57	-0.61	0.05	-0.12	0.22
LN trước thuế	82.2	17.7	4.11	15.5	10.1
Lợi nhuận sau thuế	81.1	13.2	3.24	12.5	8.02
LNST của CĐ cty mẹ	81.1	13.2	3.24	12.5	8.02

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	149	201	-61.3	21.6	-10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-47.6	-54.9	-21.5	-35.8	-153
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	29.4	16.4	55.6	35.1	-22.2
Tiền đầu kỳ	103	234	397	370	392
Lưu chuyển tiền thuần	**131**	**163**	**-27.3**	**20.9**	**-186**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.91	-0.91
Tiền cuối kỳ	234	397	370	392	205

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic